

## Đề tự luyện số 2

**Bài 1.** Viết (theo mẫu):

Bốn mươi tư: 44

Năm mươi hai: .....

Tám mươi chín: .....

**Bài 2.** Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số 36 gồm .....chục và .....đơn vị.

b) Số gồm 9 chục và 0 đơn vị được viết là: .....

**Bài 3.** Viết các số 41, 88, 7, 39:

a) Theo thứ tự từ bé đến lớn: .....

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé: .....

**Bài 4.** Đặt tính rồi tính:

$15 + 43$

$32 + 7$

$96 - 6$

$80 - 50$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài 5.** Tính:

a)  $59 - 4 - 5 = \dots$

b)  $30 \text{ cm} + 60 \text{ cm} = \dots$

c)  $40 - 20 + 20 = \dots$

d)  $77 \text{ cm} - 13 \text{ cm} = \dots$

**Bài 6.** Hoàn thành các câu sau bằng cách điền vào chỗ chấm:

a) Một tuần có .....ngày.

b) Em đi học vào các ngày: thứ hai, .....

**Bài 7.**  $>$ ,  $<$ ,  $=$  ?

$65 \square 56$

$25 + 4 \square 25 - 4$

$89 \square 98$

$47 \square 49 - 2$

**Bài 8.** Tuấn có 69 viên bi. Tuấn cho bạn 24 viên bi. Hỏi Tuấn còn lại bao nhiêu viên bi?

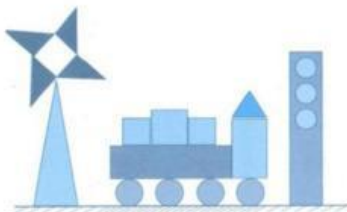


Phép tính:  $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Tuấn còn lại  $\square$  viên bi

**Bài 9.** Số?

a)



Hình bên có:

☐ Hình vuông

☐ Hình chữ nhật

☐ Hình tam giác

☐ Hình tròn

b)



Hình bên có:



Khối lập phương



Khối hộp chữ nhật